

Số: 05 /2019/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2019

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-KTNS ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về chế độ chi đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Mười Một thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2019./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư Pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, (STC), TH.



**Nguyễn Hồng Lĩnh**

## **QUY ĐỊNH**

**Chế độ tiếp khách nước ngoài,  
chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh  
và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm  
2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

---

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước**

1. Ngân sách nhà nước.
2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước).

#### **Điều 4. Quy định chung**

1. Các nội dung liên quan đến chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 71/2018/TT-BTC).

2. Các mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị quy định các mức chi cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ đối với các đơn vị tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính hoặc thống nhất bằng văn bản trong toàn đơn vị đối với các đơn vị chưa tự chủ về tài chính để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI TỈNH DO TỈNH CHI TOÀN BỘ CHI PHÍ TRONG NƯỚC**

#### **Điều 5. Chi đón, tiễn khách tại sân bay**

1. Mức chi tặng hoa 500.000 đồng/1 người cho các đối tượng sau:

- a) Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu quân) đối với khách hạng đặc biệt;
- b) Trưởng đoàn khách hạng A, hạng B.

2. Chi thuê phòng chờ tại sân bay áp dụng đối với khách hạng đặc biệt, khách hạng A, khách hạng B. Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở**

1. Khách hạng đặc biệt:

Tiêu chuẩn thuê chỗ ở do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

2. Đoàn là khách hạng A:

- a) Trưởng đoàn: 5.500.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày;
- c) Đoàn viên: 3.500.000 đồng/người/ngày.

3. Đoàn là khách hạng B:

- a) Trưởng đoàn, Phó đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày;
- b) Đoàn viên: 2.800.000 đồng/người/ngày.

4. Đoàn khách hạng C:

a) Trưởng đoàn: 2.500.000 đồng/người/ngày;

b) Đoàn viên: 1.800.000 đồng/người/ngày.

5. Khách mời quốc tế khác: 800.000 đồng/người/ngày.

6. Giá thuê chỗ ở quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này đã bao gồm cả bữa ăn sáng. Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định nêu trên.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối)**

1. Mức chi ăn hàng ngày quy định tại Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam), cụ thể:

a) Khách hạng đặc biệt: Do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn;

b) Đoàn là khách hạng A: 1.500.000 đồng/ngày/người;

c) Đoàn là khách hạng B: 1.000.000 đồng/ngày/người;

d) Đoàn là khách hạng C: 800.000 đồng/ngày/người;

đ) Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/ngày/người.

2. Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (sau đây viết tắt là cán bộ) của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài. Thành phần, số lượng do cấp thẩm quyền phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

### **Điều 8. Tổ chức chiêu đãi**

1. Khách hạng đặc biệt:

Mức chi tổ chức chiêu đãi do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C:

Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

3. Mức chi chiêu đãi quy định tại khoản 2 Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam).

4. Đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách được áp dụng mức chi chiêu đãi như thành viên của đoàn. Danh sách đại biểu phía Việt Nam căn cứ theo chương trình, kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa ăn còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

### **Điều 9. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc**

#### 1. Khách hạng đặc biệt:

Mức chi tiếp xã giao và các buổi làm việc do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

2. Đối với các đoàn khách khác, mức chi tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt) thực hiện như sau:

a) Đoàn là khách hạng A: 150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày);

b) Đoàn là khách hạng B: 80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày);

c) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

3. Đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách được áp dụng tiêu chuẩn tiếp xã giao như thành viên của đoàn theo quy định tại khoản 2 Điều này. Danh sách đại biểu phía Việt Nam do cấp thẩm quyền phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

### **Điều 10. Chi dịch thuật**

#### 1. Chi biên dịch:

a) Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 150.000 đồng/trang (350 từ);

b) Biên dịch tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 180.000 đồng/trang (350 từ);

c) Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, mức chi biên dịch tăng 30% so với mức chi biên dịch tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

#### 2. Chi dịch nói:

a) Dịch nói thông thường: 250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng;

b) Dịch đuổi (dịch đồng thời): 500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng;

c) Trong trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch đuổi cao hơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này để đảm bảo chất lượng của hội nghị, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ

trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và phải tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện;

d) Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế, thì tùy trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.

3. Việc thuê biên dịch, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện khi cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch đáp ứng được yêu cầu.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch thì được thanh toán bằng 50% mức chi biên, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 11. Chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm**

Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức, cụ thể như sau:

#### 1. Chi văn hoá, văn nghệ:

a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt: Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn;

b) Đối với đoàn khách hạng A, B và C: Tùy từng trường hợp cụ thể, lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn, nhưng tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn.

#### 2. Chi tặng phẩm:

Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất và thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, mức mua quà tặng cụ thể như sau:

##### a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt:

Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn;

##### b) Đối với đoàn khách hạng A:

Trưởng đoàn khách: 1.300.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 1.300.000 đồng/người.

Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt việc tặng

phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong chương trình, kế hoạch đón đoàn, mức chi: 500.000 đồng/người.

c) Đối với đoàn khách hạng B:

Trưởng đoàn khách: 900.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 900.000 đồng/người.

Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong chương trình, kế hoạch đón đoàn, mức chi: 500.000 đồng/người.

## **Điều 12. Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác cơ sở**

1. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa bàn ở cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại cơ sở theo các mức chi quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này và Điều 6 Thông tư số 71/2018/TT-BTC; chi dịch nói theo quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có);

b) Cơ quan, đơn vị ở cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại Điều 9 Quy định này. Chi dịch nói theo quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có).

2. Chế độ đối với cán bộ phía Việt Nam được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở cơ sở:

Cán bộ phía Việt Nam được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi là Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND).

Trường hợp đối ngoại phải ở cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế, thì cán bộ Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở.

## **Điều 13. Chi đưa khách đi tham quan**

1. Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong chương trình, kế hoạch đón



đoàn, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức.

2. Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này và Điều 6 Thông tư số 71/2018/TT-BTC được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

**Điều 14. Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị**

1. Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiền, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này và Điều 6 Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

2. Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy định này.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI TỈNH DO TỈNH CHI MỘT PHẦN CHI PHÍ**

**Điều 15. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh do khách tự túc ăn, ở; tỉnh chi các khoản đón tiếp đối ngoại khác**

1. Đối với khách đặc biệt:

Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp đoàn được chi đón tiếp tại sân bay, chi phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc tại tỉnh, chi tiếp xã giao các buổi làm việc, chi dịch thuật, chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm. Trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi chiêu đãi hoặc chi mời cơm thân mật và phải được duyệt trong chương trình, kế hoạch đón đoàn.

b) Tiêu chuẩn chi đón tiếp và mức chi theo từng hạng khách thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định này và Điều 6 Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

3. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 12 Quy định này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở).

4. Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

**Điều 16. Chế độ tiếp các đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam**

Cơ quan, đơn vị được tổ chức mời cơm thân mật khi chia tay đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, mức chi: 1.000.000 đồng/người bao gồm cả đại diện phía Việt Nam, mức chi này bao gồm cả tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam); tặng phẩm cho đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế: 900.000 đồng/người/suất tặng phẩm.

**Điều 17. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh do khách tự túc mọi chi phí**

Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chỉ được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ CHI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI TỈNH**

**Điều 18. Hội nghị quốc tế tổ chức tại tỉnh do tỉnh đài thọ toàn bộ chi phí**

1. Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do tỉnh đài thọ được áp dụng nội dung và mức chi quy định tại Chương II Quy định này.

2. Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam) thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

3. Chế độ đối với cán bộ phía Việt Nam tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế:

a) Chi thuê phòng nghỉ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị.

Trường hợp đối ngoại phải ở tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế, cán bộ phía Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 1

người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế.

b) Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị.

c) Chi làm thêm giờ (nếu có) thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm và làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Đối với các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hội nghị thực hiện theo quy định này và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 71/2018/TT-BTC;

b) Chi dịch thuật thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này;

c) Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác: Thực hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 19. Hội nghị quốc tế tổ chức tại tỉnh do tỉnh và phía nước ngoài phối hợp tổ chức**

1. Đối với các hội nghị này, khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm của phía tỉnh chi để tránh chi trùng.

2. Đối với những nội dung chi thuộc trách nhiệm của tỉnh thì căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định tại Điều 18 Quy định này để thực hiện.

#### **Điều 20. Đối với hội nghị quốc tế tổ chức tại tỉnh do phía nước ngoài đài thọ toàn bộ chi phí**

Cơ quan, đơn vị nơi phối hợp với các tổ chức quốc tế để tổ chức hội nghị không được sử dụng kinh phí theo quy định tại Điều 3 Quy định này để thanh toán chi phí của các hội nghị quốc tế này.

## **Chương V CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC**

#### **Điều 21. Chi giải khát**

Mức chi giải khát 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.

**Điều 22. Chi mời cơm**

1. Mức chi mời cơm 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống) đối với đoàn khách sau đây:

a) Đoàn khách Lão thành cách mạng; đoàn khách Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; đoàn khách cơ sở là bà con người dân tộc thiểu số; đoàn khách già làng, trưởng bản đến thăm và làm việc tại tỉnh.

b) Đoàn khách của cơ quan Trung ương; đoàn khách có lãnh đạo cấp tỉnh của các tỉnh bạn đến công tác tại địa phương.

2. Đối với các đối tượng còn lại:

Mức chi mời cơm 250.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).

3. Các trường hợp đặc biệt do lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành phần, số lượng, mức chi.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Đối tượng khách được mời cơm do thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị./.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**